

CÁC NGHI LỄ TRONG HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI HOA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Bình

Trường Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(Bài nhận ngày 24/04/1999)

TÓM TẮT : Bằng tài liệu điều tra dân tộc học, tác giả đã miêu tả các nghi lễ trong hôn nhân của người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ ra những đặc trưng văn hóa truyền thống trong hôn nhân mang sắc thái dân tộc và những biến đổi của nó trong cuộc sống hiện nay ở Thành phố.

Hôn nhân là một vấn đề quan trọng trong đời sống của một con người, vì hôn nhân dẫn đến việc tạo lập gia đình mới. Các hình thức cũng như những nghi lễ trong hôn nhân không những phản ánh các quy luật chung nhất của sự phát triển xã hội loài người mà cả các giai đoạn lịch sử của các hình thái kinh tế xã hội và những đặc thù văn hóa dân tộc người của dân tộc đó. Từ thời cổ đại, Trung Quốc là một xã hội tông pháp, mục đích của hôn nhân là truyền nối giống nòi, có quan hệ đến sự thịnh suy của một gia tộc, vì vậy hôn nhân của một người được coi là việc lớn của cả gia tộc chứ không phải chỉ là việc của cá nhân. Chính vì những ý nghĩa quan trọng như vậy hôn nhân của người Hoa được tiến hành theo một nghi lễ long trọng.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ trình bày những nghi lễ truyền thống trong hôn nhân của người Hoa và những biến đổi của nó trong quá trình hội nhập của người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Theo phong tục, các nghi lễ truyền thống được tiến hành theo một trình tự gồm

lục lễ. Đó là Nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ và thân nghinh.

Người Hoa thường có câu : “ Lục lễ bất bị, trinh nữ bất xuất”. Trước khi tiến hành lục lễ là thời kỳ nghị hôn, giống như thời kỳ tìm hiểu của thanh niên ta ngày nay. Nhưng tìm hiểu không phải do nam nữ thanh niên tiến hành mà do đôi bên cha mẹ tìm hiểu về các mặt gia sản, dòng dõi, chức tước, địa vị của hai gia đình. Điểm quan trọng trong công việc tìm hiểu là phải tìm được nơi môn đăng hộ đối, tức là gia đình họ hàng phải có những mặt cân đối phù hợp với nhau.

Trong hôn nhân của người Hoa có rất nhiều điều cấm kỵ “Nam nữ thụ thụ bất tương thân” nghĩa là trai gái đưa và nhận cái gì đều không được chạm vào da thịt. Vì vậy chủ trì trong hôn nhân nhất thiết phải là các bậc gia trưởng hay cha mẹ, muốn thành hôn phải có lời của người mai mối (mai chước chi ngôn). Bài phạt khả trong Môn phong, Kinh thi có câu : “Đẫn cây khả sao đây, không có búa không xong”. Lấy vợ thế nào đây, không mai mối không được” (Phạt khả như hà, phi phủ bất khắc, thủ thê như hà? Phi mai bất đắc). Người làm mai mối có hai loại : bạn bè, người

thân nói hộ hoặc người mai mối chuyên nghiệp. Bởi vì người mai mối phần đông là phụ nữ có tuổi nên người ta thường gọi chung là bà mối (1 : 123). Trong hôn nhân truyền thống của người Hoa, môi giới là một phần quan trọng trong chế độ hôn nhân. Người làm môi giới phải là người trung thực, phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước pháp luật, không được nhận hối lộ của nhà trai hay nhà gái để làm việc (tốt thì khoe ra, xấu xa thì dấy lại). Trong các luật của đời Đường, Tống, Minh, Thanh đều nói về trách nhiệm của người làm mối, người làm mối phải thông hiểu những điều không nên làm như : không làm môi giới cho những nam, nữ phạm pháp, những người đang có tang cha, mẹ, tang chồng vợ.....(2 : 50).

Sau thời kỳ nghị hôn, đã tìm được nơi môn đăng hộ đối, phù hợp với cả đôi bên gia đình rồi thì nghi lễ đầu tiên cho việc hôn nhân là nạp thái. Người đời sau gọi là hợp hôn hoặc gọi là thuyết mai (dạm hỏi). Nhà trai nhờ bà mối sang bày tỏ với nhà gái lời thỉnh cầu kết hôn. Lễ nạp thái nhằm thăm dò ý kiến của nhà gái đối với việc hôn nhân. Người Hoa thường dùng lễ vật là chim nạp (gọi là nạp thái) (3 : 30). Tuy nhiên, tùy từng gia đình mà lễ vật có sự khác nhau. Vương hầu thì lễ vật là vàng ngọc, ngựa, xe, lụa là, gấm vóc, tiền bạc. Ngoài ra còn có một số lễ vật tượng trưng như gấm hoa có vân đen đỏ (tượng trưng cho trời đất), rượu (tượng trưng cho sự vui vẻ), gạo (tượng trưng cho sự sống), dê (tượng trưng cho sự phúc lộc), nạp (tượng trưng cho sự ấm ấm, thịnh vượng).....

Sau lễ nạp thái là vấn danh, tương đương với việc đính hôn ngày nay, hoặc gọi là trao đổi danh thiệp (ghi tuổi, ngày giờ sinh.....). Người được phái đi hỏi

nhà gái về tên tuổi cô gái, mang theo một con nhận gọi là vấn danh (3 : 30).

Nhà trai biết được tên tuổi cô gái rồi liền đi xem bói để biết được hôn nhân có được tốt lành hay không. Bói được điềm lành thì báo cho nhà gái biết ngay, vẫn dùng chim nạp làm lễ vật gọi là nạp cát. Lúc này hôn ước hai bên đã định, nhà trai phải tặng cho nhà gái năm tấm lụa đen mịn, năm cuộn lụa nâu nhạt, hai tấm da hươu.

Sau lễ nạp cát là nạp trưng, lễ nạp trưng nhằm thúc đẩy việc hôn nhân đi đến chỗ hoàn thành, nhà trai đem lễ vật đến nhà gái để bàn bạc về việc cưới xin của đôi trai gái. Nạp trưng hay còn gọi là nạp chinh (1 : 123) thời cổ còn gọi là nạp tộ, tức là nhà trai căn cứ vào quyết định trong lễ nghị hôn, đem đến nhà gái đủ số lượng và vật phẩm mà nhà gái yêu cầu (1 : 123).

Thứ năm là lễ thỉnh kỳ, tức là nhà trai chọn ngày đưa dâu rồi hỏi ý kiến nhà gái. Đến lúc đó, đội nghi trượng và phu kiện của nhà trai khiêng kiệu đến đón cô dâu. Thứ sáu là thân nghinh (thân nghênh) (tức lễ đón dâu) người Hoa rất trọng nghi lễ, người con trai phải đến nhà cô gái để đón vợ, bởi vậy gọi là thân nghênh).

Theo phong tục, lúc đưa dâu mới về nhà chồng, khi vào cửa không để cô dâu bước chân xuống đất, mà phải từng bước dẫm lên một cái bao, gọi là truyền đại. Đai (cái bao) "đại" (đời) là những từ đồng âm, có nghĩa truyền nối đời đời. Thứ hai là trùm đầu (cái đầu). Tập tục này bắt đầu có từ thời Đông Hán, giữ mãi đến ngày nay, tức là dùng một khăn lụa trùm đầu cô dâu, gọi là khăn trùm, dân gian gọi là trùm đầu. Thứ ba là lạy ở nhà thờ gia tiên vì bắt đầu từ ngày kết hôn, giữa trai và gái mới có ý nghĩa nhân luân, cho nên phải lạy tạ trời đất thần linh, con gái mới trở thành thành

viên của gia tộc nhà trai, vì thế phải lạy tổ tiên dòng họ, rồi sau đó hai con người hợp thành một, nên vợ chồng còn phải lạy lẫn nhau. Thời cận đại còn mở rộng phạm vi lạy cả họ hàng thân thích, khách khứa, láng giềng, làng xã. Thứ tư là buộc khăn (khiên cân), theo phong tục, nam nữ làm lễ kết hôn xong, dùng tơ có màu hồng buộc chung với nhau coi là (đồng tâm) cùng lòng. Đến thời cận đại tục này trở thành tục cài trâm hoa, đeo bông hồng. Thứ năm là hợp cấn, tức vợ chồng mới cùng uống rượu hợp cấn trong phòng. Tập tục này có từ thời Chu, đến đời Tống diễn biến thành trao cốc (giao bôi). Thứ sáu là tung màn (tán chướng). Tập tục này có từ thời Hán Vũ Đế. Con gái đến nhà chồng, làm xong mọi nghi lễ, vào phòng mới, nam ngồi bên phải, nữ bên trái, người ta tung các thứ vào màn nên gọi là tán chướng. Thời Hán, tung vào màn hoa, quả ngũ sắc, đến đời Đường thì tung tiền, đời Tống người ta tung tiền hoa và tạp quả, thời nhà Minh tung ngũ cốc - có ý chúc nhiều lộc đông con. Thứ bảy là náo phòng. Tập tục này có từ đời Hán. Trong đêm tân hôn, bạn bè thân cận cô dâu, chú rể ngồi quây quần trong phòng, cười vui nhộn nhịp, gọi là náo phòng. Khi náo phòng, không chỉ người thân thích nhà trai mà cả khách khứa, bạn bè đều có quyền trêu chọc cô dâu. Thứ tám là hồi môn. Tập tục này có từ thời Xuân Thu, còn gọi là quy ninh hay báic môn. Nghĩa là sau ba hoặc bảy ngày kết hôn, thời cận đại quy định vào ngày thứ ba sau khi kết hôn cô dâu phải về nhà cha mẹ để của mình và ngay ngày hôm ấy phải trở về nhà chồng (1 : 124).

Người Hoa do nhiều nguyên nhân đã di cư sang Việt Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng, trải qua nhiều thế kỷ sinh sống với các tộc người ở Việt Nam, mọi biến đổi

về kinh tế, xã hội, cũng như trong lĩnh vực hôn nhân gia đình của người Hoa đã chịu sự tác động của xã hội Việt Nam qua các thời kỳ. Một mặt người Hoa vẫn lưu giữ những bản sắc riêng của mình, mặt khác vốn văn hóa truyền thống của người di cư được phát triển phong phú thêm bởi những yếu tố mới do bản thân họ sinh ra trong quá trình thích ứng với điều kiện sống ở vùng đất mới. Trong các nghi lễ hôn nhân của Hoa hiện nay chủ yếu chỉ còn ba giai đoạn : chạm ngõ, lễ hỏi và lễ cưới.

Lễ chạm ngõ : Sau khi người con trai đã chọn được bạn trăm năm, sẽ thưa với cha mẹ và nhờ cậy ông (hoặc bà) mai sang nhà gái ướm lời. Dĩ nhiên, nhà trai phải báo tin trước để nhà gái biết. Mặc dù nhà gái đã biết và đồng ý ở mức độ tương đối, lễ chạm ngõ vẫn rất cần thiết. Trong lễ chạm ngõ, thông thường cha mẹ đằng trai không biết đến đằng gái mà chỉ biết có bà mai, có thể cùng một số người quen biết của nhà trai. Tuy chỉ có vai trò tượng trưng nhưng sự có mặt của bà mai trong các lễ cưới hỏi của người Hoa hiện nay vẫn rất cần thiết. Nếu nhà gái ưng thuận, nhà trai sẽ mang lễ sang nhà gái để xin tên tuổi cô gái về so xem có hợp với chàng trai hay không. Nếu thấy không có vấn đề gì thì hai họ sẽ bàn bạc và ấn định ngày giờ để làm lễ hỏi. Trong phong tục người Hoa thường đem lễ sang nhà gái trong lễ chạm ngõ là các loại bánh, hoa quả,.....Người Hoa Triều Châu thường mang theo quýt. Nếu nhà trai và nhà gái đã là chỗ thân tình thì nhà trai chỉ mang theo một ít lễ vật tượng trưng, bởi vì ngày nay nam nữ thanh niên người Hoa phần lớn đã quen biết nhau, cùng học, cùng làm chung, đôi khi cha mẹ đã có dịp gặp gỡ, biết rõ gia cảnh của hai gia đình. Vì vậy, trong nhiều trường hợp người Hoa đã bỏ qua lễ chạm ngõ.

LỄ HỎI :

Đối với tất cả các nhóm người Hoa ở Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh lễ hỏi là nghi lễ quan trọng. Lễ này thay cho lễ nạp trướng hay nạp tề thời trước.

Sau khi đã so hợp tuổi, chọn được ngày lành, tháng và giờ tốt, nhà trai sẽ mang lễ vật sang nhà gái (thường là hai tuần trước khi đám cưới). Lễ vật nhà trai mang sang nhà gái trong lễ chạm hỏi thì tùy từng nhóm người Hoa mà có sự khác nhau. Người Triều Châu thường đem cả con heo quay (4). Các loại bánh có khi vài tạ (một tạ bằng 60 kg). Lễ xong nhà gái bao giờ cũng lại quả cho nhà trai rất khéo léo, ý nhị, gần như nguyên cả con heo với cái đầu, khúc thân giữa và chiếc đuôi heo còn nguyên đuôi, cùng bộ đồ lòng. Sự ứng xử này có ý nghĩa hai họ ăn ở có đầu có đuôi, có trước, có sau, có lòng, có dạ.....người Hoa Quảng Đông còn có lệ đưa sính lễ là cặp vịt (tượng trưng cho đôi chim uyên ương) hoặc phổ biến là cặp gà (tượng trưng cho đôi chim phượng hoàng). Một loài chim theo quan niệm của người Quảng Đông là biểu tượng của tình yêu, hạnh phúc lứa đôi. Trong số lễ vật còn có hai cây củ sen vì loại cây này tiết ra nhiều loại kết dính, tượng trưng cho tình cảm dạt dào, gắn bó không dứt được của nghĩa vợ chồng. Nếu đám hỏi và đám cưới gộp làm một thì trong số sính lễ còn có cả đôi nhẫn, đôi bông tai, dây chuyền.....Ngoài ra, còn có tiền nộp cưới, có khi cả một số vật dụng khác, số lễ vật này cô dâu, chú rể sẽ đem về tổ ấm của mình sau khi cưới.

Người Quảng Đông thường đem tiền nộp cưới bằng các số 9, người Triều Châu ưa số 4. Tuy nhiên, nhà gái chỉ rút tượng trưng một phần tiền nộp cưới. Ngoài tiền còn có long nhãn, chuối biểu tượng cho sự mắn con và niềm hoan lạc. Hai bên còn

trao nhau một cặp nến trạm hình long, phụng tượng trưng cho cô dâu và chú rể để thắp vào dịp cưới và tránh tuyệt đối không được tắt nửa chừng.

Hiện nay, phần lớn các lễ vật thường được đặt vào các khay (mâm), mâm rượu, mâm hoa quả, trái cây, mâm nhãn, nữ trang, trầu cau và trà.....Các mâm đều được phủ khăn màu đỏ, tượng trưng cho sự may mắn và tốt lành. Các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa người Hoa và người Việt, hoặc Việt Hoa, trong số các lễ vật còn có mâm đựng trầu cau..... Đối với người Việt tất cả các số phải là số chẵn, vì nếu là số lẻ có nghĩa là lẻ bạn, lẻ đôi, vợ chồng sau này sẽ ăn ở không được bền lâu.

Trong đám hỏi, thành phần những người tham dự quy định thường không chặt chẽ. Theo phong tục của người Hoa, cha mẹ chú rể thường không sang nhà gái mà chỉ có các bậc gia trưởng hoặc chú, bác, cô, dì.....những người này phải là những người có cuộc sống gia đình hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc. Vai trò của bà mai tuy chỉ có tính tượng trưng nhưng vẫn cần thiết vì bà hoặc ông mai thường là người hướng dẫn cô dâu và chú rể những nghi thức cần thiết.

Khi phái đoàn nhà trai đến cổng nhà gái, thường là bà mai đi trước cùng những người lớn tuổi. Theo sau là những thanh niên bưng lễ vật. Nhà gái sẽ cử người ra mời nhà trai vào. Đầu tiên ông mai hay một người cao tuổi nhà trai trình bày lý do, xin phép nhà gái cho chú rể dâng lễ vật.

Sau khi dâng vài tuần rượu hoặc trà, một người trong họ nhà trai đứng lên xin phép để tác hợp cho đôi trai gái. Lễ vật được đặt trên một cái bàn giữa nhà, nhà gái đưa một vài lễ vật tượng trưng lên cúng bàn thờ gia tiên, giới thiệu tên chàng rể, cầu mong ông bà chứng giám. Một tiệc nhỏ (ngọt hoặc mặn) được dọn ra. Theo lời giới

thiệu của bà mai, nhà trai sẽ giới thiệu chú rể với nhà gái và hai họ. Kể từ ngày tiến hành lễ hỏi, cô dâu và chú rể được hai họ coi như thành viên trong gia đình.

LỄ CƯỚI

Sau lễ hỏi hai họ sẽ chọn ngày lành tháng tốt để tiến hành lễ cưới. Thiệp cưới của hai họ sẽ được gửi đến họ hàng thân thích, bạn bè, thân hữu gần xa để báo tin vui và mời dự đám cưới. Tùy từng gia đình và hoàn cảnh mà lễ cưới được tổ chức với khoảng cách lâu hay mau, nhiều khi người ta nhập lễ hỏi và lễ cưới làm một. Nhìn chung, nghi lễ đám cưới của người Hoa ở Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh có những nghi thức chính như sau :

Lễ nhóm họ : Đêm trước ngày cưới, cả nhà trai và nhà gái đều tổ chức lễ nhóm họ. Như trong thiệp mời, hai gia đình mời họ hàng xa gần để thông báo và dự đám cưới. Cả nhà trai và nhà gái đều trang hoàng nhà cửa đẹp đẽ với những phiến giấy đỏ in các chữ “phước, thọ” và các lời chúc mừng (xem hình). Đêm nhóm họ rất vui vẻ, rộn rịp cho đến sáng. Cả hai gia đình vừa lo đón họ hàng, bà con vừa lo chuẩn bị cho ngày cưới. Các bạn của cô dâu thường tặng cho cô dâu những món quà lưu niệm, ở các vùng nông thôn hay thị trấn ở Nam Bộ, quà của bạn bè cô dâu thường được trao ngay trong đêm nhóm họ, bà con trong xóm, làng và những người quen biết cũng đến chơi, uống nước, hút thuốc rất vui vẻ. Bà con, anh em họ hàng thì mừng cô dâu, chú rể bằng tiền hoặc các món quà khác vào buổi sáng rước dâu. Ở thành phố, thị trấn, khách mời thì mừng cho cô dâu, chú rể tại bữa tiệc được tổ chức tại nhà hàng. Mọi người sẽ ký tên hoặc ghi tên mình vào một tấm vải đỏ. Việc ghi chép này còn giúp cho cô dâu, chú rể biết

những ai đã đến dự và mừng bao nhiêu để sau này có dịp mừng lại cho xứng đáng.

Trong ngày cưới, theo phong tục, cô dâu người Triều Châu thường dậy sớm từ 4 giờ sáng để tắm và mặc lễ phục. Trước đây các cô dâu chỉ được mặc và thay quần áo cưới một lần trong suốt lễ cưới. Cô dâu Quảng Đông còn cho vào nước tắm của mình những cánh hoa bưởi thơm ngát. Hiện nay các cô dâu người Hoa cũng như người Việt thường thay nhiều loại quần áo cưới để quay phim, chụp ảnh (xem hình).

Lễ rước dâu :

Đứng giờ quy định, nhà trai mang lễ vật sang nhà gái để xin rước dâu. Đoàn rước dâu chỉ có đại diện nhà trai, họ hàng và bạn bè chú rể. Theo phong tục, người Hoa thường mang kiệu để rước dâu, ngày nay thường dùng xe hơi, được trang trí sắc sỡ. Cha mẹ chú rể không đi rước dâu.

Khi đoàn nhà trai đến nhà gái (trước khi có nghị định cấm đốt pháo của chính phủ) thì một tràng pháo được đốt lên tạo một không khí rộn rã. Ngày nay, Nghị định cấm đốt pháo của Chính phủ được bà con người Hoa đồng tình hưởng ứng, việc đốt pháo trong đám cưới không còn nữa, theo phong tục, đoàn rước dâu nhà trai sẽ được một vị đại diện nhà cô dâu ra đón, mời trà,.....Người Triều Châu có phong tục cho em cô dâu hoặc một đứa cháu trai ra đón và mời trà, chú rể phải lì xì cho người này thì mới được vào. Có đôi nơi còn có tục đóng cửa chằng dây, đòi tiền lì xì, có khi diễn ra cảnh trả giá, đối với người Quảng Đông thì con số cao nhất là số 9.

Trước khi cô dâu về nhà chồng, cha mẹ cô dâu, anh em, bà con họ hàng đều mừng cho cô dâu tùy theo từng người mà đồ tặng có thể là tiền, vàng hoặc các đồ vật dụng khác. Trước giờ đón dâu, nhà gái bao giờ cũng làm lễ cúng Ngọc Hoàng, tổ tiên,

Ông bà,.....Bàn thờ tổ tiên được đặt ở giữa nhà, trên có cài cọng hành để nguyên rễ tượng trưng cho sự nảy nở. Chú rể sẽ phải vào khấn vái ông bà Tổ tiên về chứng giám cho đôi uyên ương.

Người Hoa Quảng Đông còn có tục dựng đôi cây mía còn nguyên lá ở cửa buồng cưới nhằm chúc cho cô dâu, chú rể có một hạnh phúc ngọt ngào.... Sau khi làm lễ, cô dâu chú rể được giới thiệu để ra mắt với bà con họ hàng. Đúng giờ quy định nhà trai xin phép được rước dâu. Lúc cô dâu ra khỏi nhà sẽ có một người trưng dù che. Người Hoa quan niệm rằng cô dâu là một điểm sáng nổi bật nhất trong ngày cưới cho nên ma quỷ thường chú ý đến cô, vì vậy phải che dù cho cô dâu. Người Hoa Quảng Đông còn cho rằng che dù để bảo vệ hạnh phúc của cô dâu.

Khi đoàn rước dâu về đến nhà trai, trước khi cô dâu vào nhà, người Hoa Triều Châu có tục để vi than hồng đang cháy ở ngạch cửa gọi là tục (mẻ cung) hoặc (huổi pú) để cô dâu vì tránh lửa mà không dẫm chân lên ngạch cửa chứng tỏ cô dâu không tôn trọng nhà chồng. Sau đó, cô dâu, chú rể làm lễ ra mắt ông bà tổ tiên và họ hàng bên nhà chồng, cô dâu và chú rể phải dâng rượu, trà cho các bậc cao niên, họ hàng, bà con bên nhà chồng. Mọi người trong nhà họ trai sẽ chúc mừng cho cô dâu và chú rể những món quà mừng đám cưới. Sau đó cả hai họ đến nhà hàng ăn tiệc chúc mừng, ở các huyện ngoại thành, nông thôn ở Nam Bộ tiệc chúc mừng được tổ chức ngay tại nhà trai.

Tiệc chúc mừng : là nghi lễ không thể thiếu được trong đám cưới của người Hoa. Ở thành phố, tiệc chúc mừng được tổ chức ở nhà hàng, khách mời là bà con họ hàng, bạn bè thân thích của cả hai gia đình. Ở tiệc chúc mừng, người Hoa vẫn giữ tục lì xì

cho cô dâu, chú rể, mọi người đều ký vào một tấm vải đỏ hoặc một cuốn sổ đặt ngay cửa nhà hàng. Tại bữa tiệc cả cha mẹ cô dâu và chú rể đều tham dự. Cô dâu và chú rể sẽ cùng cha mẹ đôi bên đi từng bàn trình diện và nhận những lời chúc mừng của quan khách cũng như cảm ơn mọi người đã đến dự ngày vui của mình.

Theo cổ tục, trước khi lễ tiệc, đôi vợ chồng mới cưới sẽ ăn những viên bánh trôi nước mặn từ bột gạo có màu trắng đỏ nấu với đường tượng trưng cho sự thanh khiết, màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn, sung sức, nước đường tượng trưng cho sự ngọt ngào, bột dẻo dính tượng trưng cho sự gắn bó keo sơn trong đời sống hôn nhân.

Cuối ngày cưới cô dâu sẽ trở lại nhà bố mẹ đẻ. Ngày xưa cô dâu chỉ được trở về nhà mình sau hôm thứ ba. Sau đó cô dâu trở lại phòng hoa trức, có nhiều nơi còn giữ tục thả cặp gà trống mái. Trong đêm động phòng, theo cổ tục, cha mẹ thường đặt một miếng vải trắng dưới chiếu hoặc niệm của đôi vợ chồng trẻ và chú rể phải báo lại với cha mẹ mình cô dâu còn trinh tiết hay không. Nếu nhà gái được báo lại là cô dâu không còn trinh tiết nữa thì đó là một sự hổ thẹn và nhục nhã. Ngày nay, các nghi thức vừa nêu trên không còn thịnh hành nữa. Đêm tân hôn là đêm tràn đầy hạnh phúc lứa đôi, diễn ra kín đáo, đơn giản. Những nghi lễ như uống rượu lạy nhau cũng hầu như bị huỷ bỏ.

Những kiêng kỵ trong hôn nhân : Cấm kết hôn giữa những người anh em họ hàng bà con cùng huyết thống kể cả trực hệ và bàng hệ.

Kỵ tuổi, đó là sự hợp hay xung khắc tuổi tác của hai bên trai gái theo tuổi âm lịch. Các tuổi kỵ như : Dần, Thân, Tỵ, Hợi tứ hành xung. Các tuổi Dần Ngọ Tuất thì hợp nhau. Do đó, việc xem xét ngày giờ

sinh, tuổi là bắt buộc trong các nghi lễ hôn nhân của người Hoa.

Ngoài ra người Hoa còn kỵ những đồ vỡ trong ngày cưới vì đó là điềm xui, kỵ những màu sắc u ám, kỵ đôi đèn cầy bị tắt lưng chừng nên phải tránh. Những phụ nữ đang có thai, có tang cũng không được đến đám cưới vì người Hoa quan niệm đó là điềm xui.

Nhìn chung, những nghi lễ trong hôn nhân của người Hoa ở Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm nhiều nghi lễ rườm rà. Do cùng cộng cư với các dân tộc người ở Việt Nam nên trong các nghi lễ hôn nhân của người Hoa hiện nay có nhiều ảnh hưởng văn hóa giữa người Hoa với người Việt, người Hoa với các dân tộc khác, đặc biệt là những phong tục Âu Mỹ.

CHINESE WEDDING CEREMONIES IN HO CHI MINH CITY.

Nguyen Duy Binh

ABSTRACT : Based on ethnological surveys, the writer describes Chinese wedding ceremonies in Ho Chi Minh city and points out some traditional cultural features representing cultural identity. Current changes in these ceremonies are also examined

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc, NXB Văn Hoá Thông tin
- [2] Trần Cổ Viễn – Lịch sử hôn nhân Trung Quốc, Đài Bắc thương vụ ấn thư quán 1971, (tiếng Hán)
- [3] Lịch sử văn hóa Trung Quốc, NXB KHXH, Hà Nội 1993.
- [4] Nguyễn Duy Bình – tư liệu điền dã dân tộc học tại Sóc Trăng, 1995.